TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ - ST
Ngày 22/9/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Vũ Linh và ông Nguyễn Ngọc Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị D, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Quan Văn D1, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2023, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nông Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nông Thị D và anh Quan Văn D1 qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 24/02/2006 do UBND xã T, huyện N (nay là huyện L) cấp. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không

hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, anh D1 nhiều lần uống rượu say chửi mắng vợ con và có lần đánh đập chị D. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Quan Văn D1.

- Về con chung: Có 01 con là Quan Văn D2, sinh ngày 24/12/2006, khi ly hôn chị D nhất trí để anh D1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con và chị D không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Quan Văn D1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nông Thị D qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 24/02/2006 do UBND xã T, huyện Na Hang (nay là huyện Lâm Bình) cấp. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn B, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng theo anh D1 xác định thì mâu thuẫn vợ chồng chưa nhiều. Từ năm 2018 chị D đi làm công nhân tại tỉnh khác nên khoảng 02-03 tháng mới về thăm nhà một lần và do điều kiện ở xa nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Anh D1 xác định tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng nên không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Có 01 con là Quan Văn D2, sinh ngày 24/12/2006, hiện nay cháu D2 đang ở cùng anh D1, do không nhất trí ly hôn nên anh D1 không đề nghị giải quyết về quyền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì. Bị đơn anh Quan Văn D1 vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ và không có quan điểm ý kiến gì khác gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử D1 án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D, cho chị Nông Thị D được ly hôn anh Quan Văn D1; về con chung: Giao cháu Quan Văn D2, sinh ngày 24/12/2006 cho anh Quan Văn D1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh D1 không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Quan Văn D1; Anh Quan Văn D1 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Quan Văn D1 vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị D và anh Quan Văn D1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (trước đây là huyện N), tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 24/02/2006. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, anh D1 nhiều lần uống rượu say chửi mắng vợ con và có lần đánh đập chị D. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Quan Văn D1.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh D1 đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 14/8/2023 (BL. 40)

thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ, thiếu sự tin tưởng, nhiều lần xảy ra cãi vã, thậm chí đánh đập nhau, dẫn tới vợ chồng đã ly thân từ năm 2019, kể từ khi ly thân giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị D, cho chị D được ly hôn anh Quan Văn D1.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa D và anh D1 có 01 con là Quan Văn D2, sinh ngày 24/12/2006, hiện nay cháu D2 đang ở cùng anh D1. Tại biên bản lấy lời khai, cháu D2 có nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn (BL.30). Chị D nhất trí anh D1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D2 và chị D không cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn; anh D1 không có quan điểm đề nghị về quyền nuôi con cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Quan Văn D2 cho anh Quan Văn D1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Nông Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định (với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí); anh Quan Văn D1 không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Nông Thị D được ly hôn anh Quan Văn D1.

2. Về con chung: Giao cháu Quan Văn D2, sinh ngày 24/12/2006 cho anh Quan Văn D1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001629 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình (chị D đã nộp đủ tiền án phí). Anh Quan Văn D1 không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự huyện;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã T (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Tiến